

Bản án số: /2023/HSST

Ngày: 11/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

2. Bà Vũ Thị Minh Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Lỗ Thị Kiều Oanh- Thư ký Tòa án nhân dân quận H

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thu Giang- Kiểm sát viên.*

Ngày 11/7/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 135/2023/TLST-HS ngày 31/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:/2023/QĐXXST-HS ngày 26/6/2023 đối với bị cáo:

Trịnh Xuân T, sinh năm: 1973; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; ĐKKHKT và chỗ ở hiện tại: phố Nguyễn Thái Học, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Trịnh Xuân Thành và bà bà Đặng Thị Đ – đều đã chết; Vợ, con: Không; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2014/HSST ngày 27/5/2014 của Tòa án nhân dân quận H xử phạt 07 năm 03 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/5/2020 và chưa được xóa án tích..

Nhân thân:

1. Ngày 21/10/1997, Tòa án nhân dân quận T xử phạt 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

2. Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2008/HSST ngày 29/4/2008 của Tòa án nhân dân quận Đ xử phạt 25 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong.

3. Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2010/HSST ngày 14/10/2010 của Tòa án nhân dân quận H xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

• **Những người tham gia tố tụng khác:**

* Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bài Lâm Thượng, Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội; chỗ ở hiện tại: số 4a, ngõ 3, Trần Nhật Duật, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội. Xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1968. Địa chỉ: số 55, Nguyễn Thái Học, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội. Xin vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 5, Ngõ Thì Nhậm, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 23/3/2023, Trịnh Xuân T đi bộ từ nhà ở số 9, ngõ 1, Nguyễn Thái Học, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội đến khu vực ngõ 3, phố Trần Nhật Duật, phường Q, quận H xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi Toán đi đến nhà 4A, ngõ 3, phố Trần Nhật Duật thì phát hiện cửa nhà mở trong nhà và ngoài ngõ không có ai, Toán thấy trên nóc tủ giày gần cửa ra vào có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng gold của chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1992, trú tại số 4A, ngõ 3, phố Trần Nhật Duật, phường Q, quận H). Toán đi vào trộm cắp chiếc điện thoại trên cất vào trong túi áo rồi đi bộ về nhà và tắt nguồn điện thoại để tránh bị phát hiện. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Toán mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng sửa chữa điện thoại ở số 55 phố Nguyễn Thái Học, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội muốn bán cho anh Nguyễn Hồng T sinh năm 1968 (là chủ cửa hàng) với giá 2.000.000 đồng, anh Tiệp bảo Toán đưa chiếc điện thoại để anh Tiệp đi kiểm tra. Sau đó, anh Tiệp mang chiếc điện thoại đến cửa hàng sửa chữa điện thoại ở số 5 Ngõ Thì Nhậm, phường Q, quận H bán cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985 (là chủ cửa hàng) được 2.400.000 đồng. Anh Tiệp cầm tiền về trả cho Toán 2.000.000 đồng nhận tiền Toán chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua điện thoại của Tiệp anh Sơn đã tháo các linh kiện của chiếc điện thoại trên để bán lẻ và đã bán hết số linh kiện của chiếc điện

thoại trên cho một số khách hàng không rõ nhân thân, lai lịch.

Phát hiện bị mất chiếc điện thoại trên, chị Nguyễn Thị H có đơn tố giác đến Cơ quan Công an. Ngày 06/4/2023, Trịnh Xuân T đã đến cơ quan công an xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Tại Biên bản và kết luận định giá số 65/KL-HĐĐGTS ngày 06/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: “- *Giá trị tài sản 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS MAX màu vàng gold số seri F2LXJ0BAKPHJ, số IMEI 357272094023128, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá trị giá 7.500.000 đồng*”.

Tại cáo trạng số 158/CT-VKS-HĐ ngày 31/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trịnh Xuân T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trịnh Xuân T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Toán từ tháng tù đến tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là chị Nguyễn Thị H trị giá chiếc điện thoại đã trộm cắp theo định giá là 7.500.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định khởi tố, truy tố của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng phản ánh, lời khai của bị cáo phù hợp với

lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, phù hợp về thời gian, địa điểm, diễn biến của vụ án và các tài liệu đã thu thập được. Nên đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu nên khoảng 13 giờ 45 phút ngày 23/3/2023, tại nhà 4A, ngõ 3, phố Trần Nhật Duật, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Trịnh Xuân T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS MAX màu vàng gold số seri F2LXJ0BAKPHJ, số IMEI 357272094023128, dung lượng 256GB trị giá 7.500.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 7.500.000đ của bị cáo Toán đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh trên theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây hoang mang dư luận. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Lạm phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú nên HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản trộm cắp không thu hồi được, người bị hại là chị Nguyễn Thị H yêu bị cáo bị cáo bồi thường giá trị tài sản theo kết luận định giá của Hội đồng định. Do vậy, cần buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền chiếc điện thoại bị trộm cắp theo kết luận của cơ quan định giá là 7.500.000 đồng.

[6] Các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Hồng T, anh Nguyễn Văn S là chủ cửa hàng mua chiếc điện thoại của bị cáo Toán. Quá trình điều tra xác định: Anh

Nguyễn Hồng T, Nguyễn Văn S không biết chiếc điện thoại là do Toán phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Tiệp và anh Sơn là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 46, Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Xuân T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Toán 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đầu thú, tạm giữ, tạm giam 06/4/2023.

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trịnh Xuân T bồi thường số tiền 7.500.000 đồng (giá trị chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt) cho chị Nguyễn Thị H.

3. Án phí: Buộc bị cáo Trịnh Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Công an quận H;
- Cơ quan THADS quận H;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Mai